

VAI TRÒ CỦA VỐN XÃ HỘI TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ TÍN NGƯỠNG THỜ ĐỨC THÁNH TRẦN TẠI QUẢNG NINH

Nguyễn Thuỳ Linh^{1*}

¹*Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

* *Email: thuylinh7987@gmail.com*

Ngày nhận bài: 21/06/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 12/10/2023

Ngày chấp nhận đăng: 25/10/2023

TÓM TẮT

Những năm gần đây, xu hướng nghiên cứu về các loại “vốn” như vốn kinh tế, vốn xã hội, vốn văn hoá, vốn giáo dục và vốn con người được nhiều học giả quan tâm và dày công tìm tòi. Nhiều nhà nghiên cứu đều khẳng định vốn xã hội chính là tài sản của cộng đồng tích lũy được qua thời gian, tạo nên chất kết nối, tương tác trong cộng đồng và kiến tạo nên bản sắc của cá nhân, vùng miền và lãnh thổ nơi đã sản sinh và tái tạo loại vốn đó. Soi chiếu vào trường hợp cụ thể là Quảng Ninh và tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần, có thể thấy xuyên suốt chiều dài dựng nước và giữ nước, nơi này in đậm dấu ấn về lịch sử chống quân Mông – Nguyên của nhà Trần và cũng là một trong những trung tâm thực hành tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần. Áp dụng lí thuyết vốn xã hội vào Quảng Ninh, bài viết sẽ làm sáng tỏ vai trò của vốn xã hội đối với tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần ở cả khía cạnh cộng đồng và chính quyền, là một định hướng cho các nhà quản lí trong việc khai thác vốn xã hội nhằm bảo tồn và phát huy tinh hoa tín ngưỡng của dân tộc.

Từ khóa: bảo tồn và phát huy, Quảng Ninh, tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần, vốn xã hội.

THE ROLE OF SOCIAL CAPITAL IN PRESERVING AND PROMOTING SAINT TRAN'S RELIGIOUS VALUE IN QUANG NINH

ABSTRACT

Many scholars have been interested in and diligently exploring the trend of researching different types of "capital" such as economic capital, social capital, cultural capital, educational capital, and human capital in recent years. Many researchers affirm that social capital is the assets accumulated by a community over time, creating connections and interactions within the community and forming the identities of individuals, regions, and territories where that type of capital was produced and recreated. When examining the particular case of Quang Ninh and the belief in worshipping Saint Tran, it is evident that this location is deeply ingrained with the Tran Dynasty's history of battling the Mongol army and serving as one of the religious practice centers dedicated to Saint Tran's worship throughout the nation's construction and defense. By using social capital theory to analyze Quang Ninh, the article will make clear how social capital functions in both community and governmental aspects of Saint Tran worship, giving managers guidance on how to use social capital to protect and advance the core values of the country.

Keywords: preserve and promote, Quang Ninh, social capital, worship of Saint Tran.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bước vào thời kì sau đổi mới, diện mạo văn hoá tâm linh Việt Nam có sự thay đổi đáng kể với việc khôi phục và trở lại các thực hành tôn giáo tín ngưỡng. Trong xu hướng chung ấy, cả giới nghiên cứu cũng như những con nhang đệ tử nhà Thánh nhắc nhiều đến tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần bởi sự phổ rộng của di tích, lễ hội và các thực hành hầu nhà Trần khắp các tỉnh thành Bắc Bộ, Trung Bộ và thậm chí vào cả Nam Bộ. Nhân dân gọi ông là Cha:

*“Dù ai buôn xa bán xa
Hai mươi tháng Tám giỗ Cha thì về”¹*

Trải qua hơn 700 năm từ ngày Thánh hoá, trong tâm thức bao thế hệ, hình tượng Đức Thánh Trần vẫn đang sống trong lòng nhân dân, trong niềm tin về việc Ngài có thể hiển linh, giúp dân trừ hoạ và cầu bình an. Niềm tin đó sẽ còn mãi và được lưu truyền ngày càng rộng khắp và là nét đẹp riêng trong hình tượng Đức Thánh Trần mang tính nhân văn và tính dân tộc sâu sắc. Nhân vật có thật trong lịch sử đã được vinh Thánh trong tâm thức dân gian và hình thành một dòng tín ngưỡng đặc biệt: tín ngưỡng Đức Thánh Trần. Về với Quảng Ninh, có thể thấy tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần có từ lâu đời. Nơi thờ Ngài nhiều nhất là ở thị xã Quảng Yên, mảnh đất lịch sử đã gắn liền tên tuổi của Ngài với trận đại thắng quân Nguyên trên sông Bạch Đằng năm 1288. Trong các sắc phong của các triều đại Lê, Nguyễn còn giữ lại ở các di tích trên cũng như nhiều di tích khác thờ Ngài đều dùng những mỹ từ ca ngợi công ơn to lớn của Trần Hưng Đạo: “sinh vi tướng, tử vi thần”, “uy vũ, linh ứng cảm biến cả trời đất”. Theo dòng chảy của cuộc sống, tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần đã và vẫn đang được bảo tồn, gìn giữ trong đời sống tâm linh của các thế hệ người Việt Nam và ở góc độ nào đó, nó còn góp phần tạo nên những bản sắc văn hoá của vùng đất và con người Quảng Ninh.

“Trong khoảng hai thập niên trở lại đây, vốn xã hội trở thành một đề tài thu hút sự quan tâm của rất nhiều học giả trên thế giới

và trong nước. Mặc dù có chậm hơn so với các quốc gia khác trong việc tiếp cận khái niệm và khung lí thuyết này, song tính đến nay, ở Việt Nam đã có khoảng vài chục nghiên cứu về vốn xã hội bao gồm các bài viết đăng trên các tạp chí, sách, báo và luận án. Các công trình nghiên cứu đã đưa ra cách tiếp cận khác nhau về vốn xã hội như chức năng, vai trò của vốn xã hội trên phương diện chính sách, vai trò của vốn xã hội với việc kiểm soát xã hội hay giáo dục trong gia đình và cộng đồng,... Mỗi một góc nhìn khác nhau sẽ cho thấy những diện mạo riêng của vốn xã hội” (Nguyễn Thuỳ Linh, 2022, tr 5). Trên phương diện thực hành tín ngưỡng, có thể thấy, bản thân việc hình thành, thực hành và bảo lưu tín ngưỡng không phải đơn thuần chỉ là niềm tin, thói quen hay phong tục mà ẩn sau đó là câu chuyện lợi ích của các bên liên quan, hay cụ thể là các nhóm xã hội khác nhau. Từ sự phân tích này, thuật ngữ vốn xã hội sẽ xuất hiện như một từ khoá để chúng ta hiểu hơn về sự liên kết các mối quan hệ xã hội, các lợi ích nhóm xã hội và các nhu cầu cộng cảm trong xã hội. Thêm vào đó, một câu hỏi đặt ra là: Bối cảnh xã hội nào đã tác động làm đa dạng hóa bản chất của các mối quan hệ đó? Các mối quan hệ này giúp gì cho họ? Việc nhận diện được bản chất của thực hành tín ngưỡng có thể giúp gì cho bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng? Tiếp cận tín ngưỡng trên phương diện này chính là con đường để đi đến nhận diện và khẳng định vai trò của vốn xã hội trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của các thực hành tín ngưỡng trên cả nước. Chính vì thế, nếu phân tích vốn xã hội trong một sinh hoạt tín ngưỡng cụ thể là tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần tại Quảng Ninh thì có thể đặt Nhà nước và cộng đồng trong hai bối cảnh xã hội đó để phân tích vai trò của hai nhóm này trong bảo lưu và phát huy giá trị tín ngưỡng, từ đó làm bài học kinh nghiệm cho địa phương trong việc tổ chức và quản lí hiệu quả hơn các sinh hoạt tín ngưỡng trong thời gian sắp tới. Có thể khẳng định, đây chính là cách tiếp cận được xem như một hướng đi có ý nghĩa lí luận cũng như thực tiễn cao trong bối cảnh giao lưu và hội nhập văn hoá của tỉnh Quảng Ninh hiện nay.

¹ Thơ lưu truyền trong dân gian.

2. LÍ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ CÁCH TIẾP CẬN

“Trên phương diện lịch sử, Lyda Judson Hanifan (nhà xã hội học người Mỹ) được coi là người đầu tiên đưa ra khái niệm vốn xã hội (social capital/ le capital social) vào năm 1916. Ông dùng khái niệm vốn xã hội để chỉ tình thân hữu, sự thông cảm lẫn nhau, cũng như tương tác giữa các cá nhân hay gia đình” (Fukuyama, 2002, tr 12). Theo tác giả Nguyễn Thuỳ Linh: “Từ nửa sau thế kỉ XX, vốn xã hội là một trong những thuật ngữ quan trọng và phổ biến nhất trong nghiên cứu chính trị – xã hội. Sự quan tâm rộng rãi đối với vốn xã hội xuất phát từ vai trò quan trọng của vốn xã hội trong xây dựng và hoạch định sự phát triển của các xã hội và cộng đồng. Vào những năm 1960, Jane Jacobs có đề cập lại khái niệm vốn xã hội và từ đầu những năm 1970, Bourdieu đã dùng khái niệm này trong các nghiên cứu của ông. Đến những năm 1980, khái niệm vốn xã hội được đưa vào từ điển khoa học xã hội (Fukuyama)” (Nguyễn Thuỳ Linh, 2022, tr 13). Tiếp cận vốn xã hội về mặt lí thuyết, góc độ vốn xã hội trong kinh tế, văn hóa và con người đã xuất hiện trong các luận điểm của Pierre Bourdieu, Coleman và Fukuyama. Điểm chung của các nghiên cứu này là sự khẳng định: nhờ vốn xã hội mà những thành viên “có thể tiếp cận trực tiếp nguồn lực kinh tế, gia tăng vốn văn hóa của họ thông qua việc tiếp xúc trực tiếp với chuyên gia hay những con người tinh tế hoặc làm việc ở những cơ quan tổ chức có quyền cấp phát bằng cấp mà xã hội đánh giá cao” (Nguyễn Thuỳ Linh, 2022, tr 14). Tuy nhiên, điểm khác biệt của mỗi học giả là cách nhấn mạnh của họ khi phân tích vốn xã hội. James Coleman nhấn mạnh đến yếu tố con người trong vốn xã hội thông qua việc hình thành vốn con người cho thế hệ kế tiếp. Fukuyama khẳng định vốn xã hội là những chuẩn mực giá trị, làm tiền đề bồi dưỡng và nâng cao năng lực con người. Tiếp cận vốn xã hội về mặt thực nghiệm, tác giả chú ý đến những nghiên cứu về vai trò của Nhà nước và cộng đồng trong công tác tổ chức và quản lí lễ hội của Ngô Đức Thịnh về vai trò của các cấp chính quyền từ Trung ương xuống địa phương trong việc hình thành và duy trì các lớp tín

ngưỡng và thực hành lễ hội (Ngô Đức Thịnh, 2020), của Choi Horim khi bàn đến mục đích cũng như quyền lợi của hai nhóm lợi ích Nhà nước (Horim, 2012) và cộng đồng khi phục dựng, tổ chức cũng như duy trì lễ hội của Bùi Hoài Sơn khi cho rằng lễ hội truyền thống được xem như những tác nhân kích thích sự phát triển kinh tế của cộng đồng dân cư (Bùi Hoài Sơn, 2013). Trên phương diện vai trò của vốn xã hội đối với một thực hành tín ngưỡng cụ thể, tác giả kế thừa nhiều kết quả nghiên cứu từ công trình luận án của mình về khái niệm vốn xã hội và tam giác Nhà nước, cộng đồng và vốn xã hội trong tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần, từ đó đưa ra khái niệm về vốn xã hội: “*Vốn xã hội là những mối quan hệ xã hội, các chuẩn mực giá trị, niềm tin cũng như những lợi ích mà Nhà nước và cộng đồng có được hoặc mong muốn có được thông qua việc tạo lập và khai thác giá trị của tín ngưỡng*” (Nguyễn Thuỳ Linh, 2022, tr 36).

Như vậy, khái niệm vốn xã hội trên chính là công cụ hữu hiệu về mặt lí thuyết để tác giả soi chiếu vào một trường hợp thực tế là tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần tại Quảng Ninh để nhìn nhận, phân tích và đánh giá. Cũng bởi bản chất của tín ngưỡng, nghi lễ và lễ hội là được hình thành từ trong lịch sử đấu tranh dựng và giữ nước của nhà Trần đến xã hội hiện đại với những động thái và vai trò của các nhóm xã hội khác nhau nên nghiên cứu sẽ phân tích phương thức tạo lập cũng như vai trò của hai nhóm Nhà nước và cộng đồng, mục đích cuối cùng là nhằm bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần tại Quảng Ninh từ bối cảnh truyền thống cho đến xã hội đương đại.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần tại Quảng Ninh

Tìm hiểu về các thánh thần vốn là nhân vật lịch sử, đặc biệt là những anh hùng cứu nước, chúng ta nhận thấy sức sống của những con người ưu tú đó vừa là bởi những chiến tích và công lao đóng góp của họ cho dân tộc, đất nước vừa là bởi dân gian đã huyền thoại hoá nhân vật bằng cách tạo nên những câu chuyện

huyền bí, linh thiêng xung quanh cuộc đời sinh – hoá và sự nghiệp hiển hách của họ. Tôn trọng lịch sử và huyền thoại hoá thánh thần chính là cách mà cộng đồng bao đời đã bồi đắp và sùng kính vị thánh thần của họ.

Trên phương diện lịch sử, lịch sử đã hình thành và hun đúc nên vị anh hùng, vị anh hùng đó đã được người dân tôn vinh khi còn sống và thậm chí cả sau khi họ mất. Người dân Quảng Ninh đã bảo lưu lại các chứng tích lịch sử như một cách tôn vinh thánh thần vốn xuất thân từ anh hùng lịch sử của họ. Trên không gian sông Bạch Đằng, lịch sử đã ghi nhận sự xuất hiện của những con người tài năng, mưu lược, là gia tộc nhà Trần cùng những vị tướng tài ba trung hiếu. Họ đã sống và hi sinh để giữ yên bờ cõi nước Nam. Đền thờ Đức Thánh Cả thuộc Quần thể di tích lịch sử núi Bài Thơ là điểm di tích tâm linh nổi tiếng tọa lạc tại khu vực Bến Đoan, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh gắn liền với Đức Thánh Cả Trần Quốc Nghiễn – con trai thứ nhất của Đức Thánh Trần. Ngài cưới công chúa Thiên Thụy (năm 1282) và trở thành phò mã của vua Trần Thái Tông. Ngài là vị tướng tài giỏi, văn võ song toàn, một người con tận hiếu, bề tôi tận trung. Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, Trần Quốc Nghiễn cùng với cha là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và các danh tướng nhà Trần đã lập nhiều chiến công vang dội. Ngài được phong danh là “Khai quốc công Hưng Vũ đại vương Trần Quốc Nghiễn”. Ở những vị trí chiến lược của đất nước, nhất là ở vùng biên cương như Cửa Suốt, Quảng Ninh, các triều đại phong kiến Việt Nam thường giao việc trấn ải cho những dũng tướng tài ba. Vào giữa đời Trần, người trấn giữ Cửa Suốt là Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng, con trai thứ ba của Quốc Công tiết chế Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Ngay từ khi còn nhỏ, ông đã là người “tính khí mạnh mẽ, thích trừ bọn bạo nghịch”. Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), quân Mông – Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai. Được tin quân đội nhà Trần không chống cự nổi trước thế giặc đang mạnh, phải rút về Vạn Kiếp, Trần Quốc Tảng vội mang quân từ

trang ấp của mình ở An Sinh (Đông Triều) cùng với quân của các lộ Hải Đông, Vân Trà, Bà Điểm xin làm lực lượng tiên phong để đánh giặc. Cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân Mông – Nguyên thắng lợi, Trần Quốc Tảng là một trong những dũng tướng có công được vua Trần ban khen và cấp đất cho lập trang ấp ở Tĩnh Bang (tức Quảng Ninh). Sau đó, Trần Quốc Tảng được vua Trần hai lần đề cử ra Cửa Suốt trấn giữ. Như vậy, vị thần thờ trong đền Cửa Ông được sử sách ghi chép và được nhân dân lưu truyền bao đời nay là Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng.

Trên phương diện huyền thoại hoá nhân vật lịch sử, quá trình huyền thoại hoá anh hùng đã được chứng minh qua tâm thức dân gian bảo lưu di tích và thực hành tín ngưỡng. Nhân dân luôn cho rằng: người anh hùng sinh ra do mệnh trời, trưởng thành và lớn lên từ nhân dân, để phụng sự cho đất nước, đến khi chết đi vẫn quay trở lại phù trợ cho dân, đó chính là quy luật về cuộc đời của những anh hùng dân tộc được dân gian xây dựng qua truyền thuyết. Cũng giống như sự ra đời thần kì, những câu chuyện về sự thác hoá của Trần Hưng Đạo cùng người con và hậu cận của Ngài cũng mang màu sắc huyền thoại như vậy. Lúc còn sống, họ là những dũng tướng có công với nước, được cất cử ra các vị trí chiến lược ở vùng Đông Bắc của đất nước để trấn giữ và cho đến lúc qua đời, hồn của họ cũng nhập vào cây cỏ, núi non, biển trời nơi đây chỉ với một ước muốn là tiếp tục “giữ yên dân nước”. Xưa, đền Cửa Ông chỉ là một thảo am (am cỏ) dựng dưới gốc cây cỏ thụ, bên bờ Cửa Suốt. Ngay từ thuở ấy, đền đã có sức thu hút khách thập phương đến thăm viếng.

*Miếu Đức Ông là nơi Cửa Suốt
Khách vắng lai thường mộ cúng dâng...²*

Điểm chung của các di tích ở Quảng Ninh là vừa mang giá trị lịch sử vừa có ý nghĩa tâm linh tín ngưỡng. Chính vì thế, khi đến đây, du khách không chỉ được sống lại thời khắc huy hoàng, vẻ vang của lịch sử mà còn được chiêm bái và gửi trọn niềm tin và mong cầu nơi cửa đền. Tín ngưỡng thờ cúng nhà Trần gắn liền với những huyền tích về Đức Thánh Trần –

² Thơ lưu truyền trong dân gian.

một vị anh hùng dân tộc có công lớn dẹp quân Nguyên. Tín ngưỡng này được hình thành và lưu truyền từ quá trình thần hóa vị anh hùng dân tộc Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn và con cái, tướng lĩnh hầu cận. Từ đó, hệ thống thờ tự chặt chẽ với đủ các cấp bậc được tạo ra, đáp ứng nhu cầu thờ cúng tâm linh của người Việt. Như một sự tất yếu, ở những nơi thờ Trần Hưng Đạo đều có gắn với lễ hội. Nam Định có hội Đền Trần ngày 14/01 âm lịch, Hải Dương có hội đền Kiếp Bạc ngày 20/8 âm lịch. Tỉnh Quảng Ninh có lễ hội đền Trần Hưng Đạo ở phường Yên Giang. Theo tục lệ, vào chiều ngày 07/3 âm lịch, rước tượng Trần Hưng Đạo từ đền về đình Yên Giang. Sáng sớm ngày chính hội 08/3 âm lịch (hay còn gọi là ngày “giỗ trận” Bạch Đằng) sẽ rước tượng từ đình trở lại đền. Đám rước thường kéo dài hàng cây số với hàng ngàn người tham gia. Hai bên con đường đám rước đi qua, nhân dân bày mâm lễ hoa quả, thả hương trông lên kiệu mà bái vọng, cầu mong Đức Thánh Trần phù hộ cho mưa thuận gió hoà, nhà nhà mạnh khoẻ, an vui.

Bên cạnh lễ hội tưởng nhớ Đức Thánh Trần, cộng đồng còn bày tỏ sự tưởng nhớ và tri ân người con của Ngài qua lễ hội Đức Ông Trần Quốc Nghiễn và lễ hội Đức Ông Trần Quốc Tảng. Lễ hội đền Đức Ông Trần Quốc Nghiễn được tổ chức linh đình vào ngày 29, 30 tháng 4 âm lịch hằng năm và lễ hội đền Cửa Ông tưởng nhớ Đức Ông Trần Quốc Tảng được tổ chức vào ngày 03, 04 tháng 2 và ngày 03, 04 tháng 8 âm lịch hằng năm đã trở thành nét đẹp văn hóa của người dân Cẩm Phả nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung mang biểu tượng của tinh thần chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước. Diễn trình lễ hội đền Cửa Ông đã cho thấy tâm thức cộng đồng muốn tôn vinh chặng đường công trạng và hiển linh của thánh thần rất sâu sắc. Kiệu rước bài vị Đức Ông Trần Quốc Tảng được rước từ đền ra miếu (theo truyền thuyết là nơi Đức Ông hoá trôi dạt vào) và quay trở về đền tượng trưng cho cuộc tuần du của Đức Ông Trần Quốc Tảng. Kiệu rước Đức Ông Trần Quốc Nghiễn và các nhân thân vi hành từ đền Thượng đi dọc đường nghinh thần và quay về sân đền chính. Hành trình rước thánh

thần là một cách tôn trọng, tưởng nhớ và tự hào về lịch sử di tích gắn liền với chiến công của vị anh hùng khi còn sống.

Như vậy, trong tâm thức cộng đồng Quảng Ninh, lịch sử và huyền thoại là hình thái niềm tin tồn tại bền chặt trong cộng đồng và cùng nhằm mục đích là tái hiện lịch sử, công lao to lớn của các bậc “khai quốc công thần”, những người có công với dân, với nước; là dịp để mỗi người dân thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, cầu mong cho dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh, gia đình hạnh phúc, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, lòng nhân ái và trách nhiệm người dân với quê hương, đất nước. Trong tâm thức của họ, những nhân vật anh hùng luôn được khoác một tấm áo phi thường. Sự phi thường, khác người ấy bao giờ cũng bắt nguồn từ sự ra đời. Nhân vật được nhân dân tôn sùng luôn được xuất hiện một cách đặc biệt khác lạ, đó là ước muốn thần thánh hoá nhân vật của mình trong tâm thức dân gian. Nó chủ yếu thể hiện sự hiện hữu của sức mạnh người anh hùng sau khi hiển Thánh để phò đời giúp nước. Vì vậy, mô thức hiển linh là tạo nên điểm tựa tinh thần, là sợi dây giao cảm giúp người bình dân đương đầu với mọi khó khăn, thách thức. Ngày nay người anh hùng đã hoá về trời nhưng vẫn hiển linh giúp đời và hiện diện trong di tích cũng như lễ hội cho người dân được dịp chiêm bái và tôn kính. Nhờ cộng đồng, tín ngưỡng có sự hình thành, chuyên biến và hoàn thiện từ hình tượng anh hùng lịch sử đại tướng Trần Hưng Đạo đến vị Thánh trong lòng dân Đức Thánh Trần.

3.2. Vai trò của Nhà nước trong bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần tại Quảng Ninh

Về vai trò của Nhà nước, cần phải nhắc đến điều đầu tiên là xây dựng, bảo lưu và phát huy giá trị của thần tích. Vào thời kì phong kiến, khi Nho giáo thịnh hành ở Việt Nam, các truyền thuyết về Đức Thánh Trần cũng như các con và hầu cận của Ngài được triều đình văn bản hóa thành các thần tích ghi lại lai lịch, công trạng của vị thần này theo một hệ thống. Thông qua thần tích, chúng ta có thể thấy được lịch sử hóa Đức Thánh Trần chính là cách thức mà triều đình nhào nặn cho

hình tượng. Theo tác giả Nguyễn Chí Bền: “Quá trình lịch sử hóa diễn ra sau hoặc đồng thời với quá trình huyền thoại hóa. Đây là quá trình cả vương triều lẫn dân gian gắn kết các nhân vật phụng thờ vào các giai đoạn của lịch sử dân tộc. Quá trình này diễn ra bắt đầu với việc nhân thần hóa các vị thần tự nhiên, rồi chuyển vị nhân thần ấy thành nhân vật lịch sử văn hóa” (Nguyễn Chí Bền, 2013, tr 169). Dấu ấn lịch sử của Nhà nước còn được chính danh hoá thánh thần bằng bằng các sắc phong. Hưng Đạo Vương sau khi hoá thánh về trời đã nhiều lần nhận được sắc phong Thượng đẳng thần tối linh của các vương triều, được triều đình chính thức đưa vào thờ phụng trong các đền miếu. Những sắc phong lớn nhất mà người dân Việt trong suốt bảy thế kỉ qua đã phong tặng cho Ngài là Đức Thánh Trần, là Thánh Cha, là Thượng đẳng phúc thần,... Cũng vì vậy, Đức Thánh Cha đã có ảnh hưởng khá lớn trong chiều sâu tâm tưởng và trong đời sống hằng ngày của người dân Việt Nam. Ngoài ra, hầu như tất cả các đình, đền thờ Trần Hưng Đạo đều lưu giữ được nhiều câu đối, đại tự ca ngợi công ơn, đức tính trung hiếu vẹn toàn của Trần Hưng Đạo. Đối với một số đền thờ như đền Trần Quốc Nghiễn (Hạ Long), đền Cửa Ông (Cẩm Phả), bên cạnh thần chủ là các con trai của ông như Trần Quốc Nghiễn, Trần Quốc Tảng thì tượng Đức Thánh Trần bao giờ cũng đặt ở vị trí cao nhất của ban thờ, cho dù kích thước có thể nhỏ hơn. Đình Trung Bản (Quảng Yên) hiện lưu giữ được pho tượng Trần Hưng Đạo được các nhà mỹ thuật Việt Nam đánh giá là đẹp nhất cả nước. Theo truyền thuyết, trong lúc chỉ huy chiến trận Bạch Đằng, búi tóc Trần Hưng Đạo bị xô ra, ông bèn chống kiếm đứng búi lại tóc. Về sau, nhân dân đã dựng đình trên vị trí ông chống kiếm búi tóc năm xưa và pho tượng đã được mô tả đúng như truyền thuyết: tay phải cầm cây trâm cài đầu, phía sau mái tóc dài gần ngang lưng. Ngoài thờ ở các đền, đình, miếu, nghe, Trần Hưng Đạo còn được thờ ở nhiều chùa gọi là “cung/ban Trần triều” hay “cung Đức Thánh Trần” như ở chùa Long Tiên (thành phố Hạ Long), chùa Phả Thiên (thành phố Cẩm Phả).

³ Một loại đao mác được làm bằng đồng, sắt và rất sắc nhọn.

Phân tích sâu một giá hầu nhà Trần ở Quảng Ninh nói riêng và các di tích hầu Thánh Trần nói chung, chúng ta có thể thấy sự hiện diện của Thần quyền giống như Vương quyền. Thánh về vì việc nước, việc dân cấp bách nên Ngài về không hề có sự báo trước. Khi Thánh giáng và nhập đồng, thầy đồng sẽ không còn là mình nữa mà là hiện thân của vị tướng lĩnh, những người ngồi quanh cúi đầu và thưa gửi bằng cung cách tôn kính nhất như người dân xưng hô với vua quan thời phong kiến. Cứu người như cứu lửa, Thánh về nhanh rồi cũng đi nhanh sau khi đã diệt trừ được tà ma và cứu được dân thường vô tội. Đó chính là cung cách của những vị thánh thần “Sanh vi Tướng, tử vi Thần”. Thêm vào đó, trong nghi thức dâng hương cũng cho thấy sự khác biệt giữa Thánh Nam và Thánh Nữ giống như hệ tư tưởng Nho giáo. Theo Ngô Đức Thịnh, “Thánh Nữ quỳ dâng hương, dập trán xuống đất ba lần, các Thánh Nam quỳ lạy, giơ cao bó hương trước trán” (Văn Đức Thanh, 2007, tr 39). Trong mỗi lần vái lạy thánh như vậy, người ta lại đánh một tiếng chuông. Việc dâng hương là một hành vi tôn kính, lời cầu nguyện biểu hiện bằng khói hương bốc lên trời, hương cũng như các màu sắc chói lọi, mùi thơm của nước hoa, màu trái cây,... không những làm cho các vị thần linh thích mà còn có tác dụng xua đuổi tà ma, chống lại những gì chết chóc, không có sự sống. Nếu như những giá hầu Đạo Mẫu có cung văn, trình tự và trang phục thì bên nhà Trần, giá hầu như tái hiện lại những động tác và âm thanh của binh đao khói lửa chiến trường năm xưa. Thanh đồng được nhập sẽ hét to, thắt chặt cổ, buộc bụng, cầm xiên linh³, có thể đi trên cây nung, cho tay vào vạc dầu sôi hoặc lấy dầu mỡ⁴ làm lễ. Nếu ai chạm vía hay bắt vía (thường là trẻ con, phụ nữ) thì lấy bùa ra đốt và hòa vào nước uống để giải trừ. Văn châu tán thán Đức Thánh Cả cũng nhắc đến công trạng to lớn của Ngài với vùng đất Quảng Ninh:

*Thuở Ngô binh xâm lăng xã tắc
Theo phụ vương thống lĩnh tam quân*

⁴ Thanh đồng sẽ lấy một miếng sành sứ hoặc kim loại sắc nhọn, xé đôi lưỡi lấy máu để bắt đầu nghi thức trừ tà.

*Trần Hạ Long là nơi hiểm địa
Chặn Thất quân trận mạc tung hoành
Đức Thánh Cả oai hùng võ liệt
Khai Quốc công thượng đẳng tước vương
Trên tướng sĩ quân gia đều phục
Lục bộ Trần triều tuân phụng Vương ông...⁵*

3.3. Một số vấn đề cần thảo luận về tam giác quan hệ cộng đồng, Nhà nước và vốn xã hội trong bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần tại Quảng Ninh

Bàn về mối quan hệ giữa Nhà nước, cộng đồng và vốn xã hội trong thực hành tín ngưỡng, cần khẳng định sự hình thành tôn vinh tín ngưỡng cần một hệ tư tưởng chính trị quán xuyên cùng luật pháp ràng buộc con người và cộng đồng với những lễ thói, phong tục, tập quán không bắt buộc nhưng trở nên sâu đậm trong sinh hoạt văn hóa xã hội. Bản chất của bất kỳ một hình thái tín ngưỡng nào đều nhằm mục đích tôn vinh cái thiêng liêng của vị thánh thần. Việc tôn thờ thánh thần thực chất đồng nhất với sự tôn vinh các giá trị của cộng đồng và Nhà nước. Bởi vậy, thông qua hình tượng Đức Thánh Trần ở Quảng Ninh, có thể thấy, lịch sử chống ngoại xâm chấn động thế giới và cũng thấy được thể chế xã hội thời đại, đó là dấu ấn của nhà nước thế quyền cũng như mô hình cai trị Nho giáo khi Đức Thánh Trần được hoàn thiện bằng lớp văn hóa Nho giáo để trở thành vị Thánh của dân, bảo hộ, che chở và cai trị con dân. Chính sự lí tưởng hóa của cả Nhà nước và cộng đồng đã giúp Đức Thánh Trần trở nên thiêng liêng – một tình cảm tôn giáo tín ngưỡng. Thông qua thực hành tín ngưỡng như hầu đồng và lễ hội, các thành viên trong cộng đồng được tri giác cái thiêng liêng như là những gì đối diện với cái phàm tục: đó là tình cảm thiêng liêng, quy tắc đạo đức thiêng liêng cũng như những quyền năng thiêng liêng. Tất nhiên, những điều này không phải đến lễ hội mới có nhưng chỉ ở trong lễ hội chúng mới được bùng sáng và thăng hoa. Tính chất thiêng này là một đặc thù của lễ hội, giống như linh hồn của lễ hội được tạo dựng từ cả hai phía Nhà nước và cộng đồng, bao trùm lên toàn bộ không gian, thời gian, mọi hành động của con người trong nghi lễ, trò chơi và mọi chi tiết trong lễ vật dâng cúng.

Hát văn các thánh hàng Trần Triều có hai loại: loại hát nghi lễ hầu và loại hát nghi lễ thờ. Ngoài ra, một số bản được hát thi vào ngày 20 tháng Tám âm lịch (tiệc Trần Triều). Các bản văn thi (khoảng mười hai đến hai mươi lăm làn điệu) thường đã được các cung văn có kinh nghiệm, lão luyện trong nghề sắp xếp, chuẩn bị trước. Thứ tự các bản văn được ban giám khảo quy định. Trước hết, phải kiêng tên húy các vị thánh, các vị thành hoàng, các vị thủ đền. Hình thức ngôn ngữ của văn châu có sự chau chuốt trong ngôn từ, vận dụng nhiều điển tích, điển cố và từ Hán Việt. Tuy nhiên, song song với từ Hán Việt, người ta cũng thấy những câu mộc mạc, thậm chí còn thô phác, nhiều hình ảnh quen thuộc của đời sống bình dân. Qua hình thức ngôn ngữ, ta thấy lời hát gắn liền với nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, từ nông dân ở thôn quê đến các tầng lớp thương nhân, quý tộc quyền quý. Đó chính là sự dung hợp của hai nhóm xã hội xưa: chính quyền và người dân.

Lễ rước trong lễ hội Bạch Đằng hay đền Cửa Ông được thực hiện khá đặc biệt bởi nó là sự tái hiện gần như chân thực sự tích trong thần tích tại di tích. Mọi hành trình, điểm dừng chân, điểm đón hay điểm đưa tiễn đều hướng về hành trạng vị thần linh – Đức Thánh Trần. Những thành viên tham gia lễ hội trở thành những nhân vật được làng điều động đi làm công việc phục vụ cho thần linh, thể hiện sự biết ơn, tưởng nhớ thần linh đồng thời là sự nghênh tiếp thần linh và phô diễn sức mạnh của cộng đồng. Chính vì ý nghĩa sâu sắc đó nên đám rước trong lễ hội vào những năm chính hội vừa trang nghiêm vừa sôi động, thu hút sự tham gia của toàn thể cộng đồng với các nghi trượng tiêu biểu như cờ, kiệu, lễ vật dâng cúng, chiêng trống và dàn bát âm, rông, sư tử, quân lính. Dân làng đã phải chuẩn bị rất công phu và chu đáo từ trước, phải huy động nhiều công của. Cùng với đó, tế trong lễ hội cổ truyền là hành vi trung tâm của lễ hội. Đây là một hình thái biểu thị căn bản giá trị xã hội của Nhà nước và cộng đồng là tôn thờ cái linh thiêng. Nhà nước phong kiến, giai cấp thống trị và người

⁵ Bản văn châu Đức Thánh Cả

dân bình thường đều có chung thể giới quan và chung một cách biểu thị thể giới quan ấy. Sau khi nghi lễ tế được hoàn thành, cán bộ chính quyền địa phương sẽ tiến hành tế đầu tiên, sau đó cộng đồng địa phương cũng như du khách thập phương tiến hành lễ. Như vậy, cả chính quyền lẫn cộng đồng Quảng Ninh đều cùng chung thể giới quan cũng như biểu thị thể giới quan xung quanh một trục trung tâm là cái linh thiêng của vị thánh thần.

Nhà nước cũng ý thức được tính thiêng chính là linh hồn của tín ngưỡng, là cơ sở của tình cảm cộng đồng, của sự kết nối và chia sẻ trách nhiệm cũng như quyền lợi giữa Nhà nước và cộng đồng nên Nhà nước hết sức hỗ trợ người dân trong việc đảm bảo không gian tổ chức, duy trì thời gian thiêng cũng như các nghi lễ và lễ vật dâng cúng. Nếu đặc trưng này mất đi thì lễ hội sẽ không còn là lễ hội theo đúng nghĩa của nó, nói một cách khác, nếu giải thiêng thì lễ hội sẽ trở nên tầm thường và vô bổ. Hơn nữa, Nhà nước cũng luôn muốn tô điểm, đề cao những giá trị xã hội đương thời nên đã thường xuyên tuyên chọn những khuôn mẫu văn hóa mới trong xã hội để thể chế hóa chúng và đưa vào đời sống đương đại. Xét một cách toàn diện thì bối cảnh xã hội đương thời vẫn cần đến sự tồn tại của tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần bởi những lớp nghĩa và giá trị tinh thần mà nó mang lại.

Nét đẹp riêng trong hình tượng Đức Thánh Trần mang tính nhân văn và tính dân tộc sâu sắc. Đức Thánh Trần không chỉ đánh giặc, diệt trừ kẻ ác, Người còn là cha, là chủ gia đình. Nhân vật có thật trong lịch sử đã được vinh Thánh trong tâm thức dân gian và hình thành một dòng tín ngưỡng đặc biệt: tín ngưỡng Đức Thánh Trần. Hình tượng Đức Thánh Trần là điểm tựa tinh thần, trong lịch sử cũng như hiện tại, là biểu tượng của tinh thần đại đoàn kết và niềm tự hào dân tộc. Sự tôn vinh Đức Thánh Trần đậm tính nhân văn và chất dân tộc. Thánh chỉ diệt trừ kẻ ác, Thánh là cha, từ một nhân vật anh hùng trong lịch sử dân tộc, Hưng Đạo Vương hoá Thánh, để che chở, phù trợ cho nhân dân. Nhân dân tìm đến với Đức Thánh Trần để cầu mong trừ tà, sát quỷ. Những người bị ma ám đều tìm đến cửa Thánh, nhờ uy danh của Hưng Đạo

Vương để diệt trừ. Người ta tin rằng, cầu cúng Vương linh nghiệm nhất là khi cầu trừ tà ma. Kinh nghiệm dân gian lưu truyền về khả năng che chở của Thánh Cha, ví như: *“Những người phụ nữ sau khi sinh con được một cử, muốn yên tâm cho con khoẻ mạnh thì sửa lễ lên đền xin bán vào cửa Thánh và xin Thánh đặt tên “bán” cho con. Hằng năm tiếp theo phải có lễ lên đền, khi nào đủ tuổi làm lính thì thôi lễ bán”*. Hoặc khi ốm đau bệnh tật, dân gian cho là nặng *“căn quạ”* thường phải lên đền kiêu Thánh hồi dương, hi vọng Thánh phán dạy trị tà và bệnh tật sẽ bình phục. Đức Thánh là biểu tượng cho chính khí. Chính những nhu cầu vừa thế tục, vừa tâm linh ấy đã nuôi dưỡng hình tượng Đức Thánh Trần tồn tại và phát triển trong suốt bảy thế kỉ và vẫn còn nguyên sức hấp dẫn đối với thời đại mới. Người trở thành *“Cha”* trong lòng dân tộc, nhân dân hướng tới Người trong sự thành kính của tình con đối với cha.

4. KẾT LUẬN

Như vậy, có thể thấy Đức Thánh Trần vẫn đang sống, sự sống trong lòng nhân dân, trong niềm tin về việc Ngài có thể hiển linh, giúp dân trừ họa. Niềm tin đó sẽ còn mãi và được lưu truyền ngày càng rộng khắp. Đó cũng chính là môi trường sống cho những truyền thuyết kể về Ngài. Sự gắn kết vốn xã hội của cộng đồng và Nhà nước chính là sợi dây bền chặt nối liền các thế hệ, thế hệ sau luôn luôn nhớ đến thế hệ trước với lòng ngưỡng mộ thiêng liêng, thế hệ trước thì luôn dõi theo những bước đi của thế hệ sau để giúp đỡ, phù trợ trong những lúc khó khăn. Tựu trung, đó là sự kết hợp của quá khứ và hiện tại, tài năng và kinh nghiệm, giữa hư và thực để hun đúc khí thế, tụ hợp linh khí quốc gia, tạo thành sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và trở thành một thứ *“chủ nghĩa anh hùng”* là biểu tượng thánh thần với quyền lực và sức mạnh dân tộc, áp đảo kẻ thù.

Nói rộng hơn, tín ngưỡng không phải là một sản phẩm của quá khứ với những giá trị và hình thái bất di bất dịch, có giá trị vĩnh viễn, thay vào đó, trong bối cảnh đương đại, tín ngưỡng luôn được nhìn nhận như một quá trình sáng tạo văn hóa trong môi trường vận động thực tại, được tạo ra từ động lực của các nhóm xã hội khác nhau trong xã hội, chính vì

vậy, bản thân lễ hội cũng có những vận động không ngừng. Những vận động này phản ánh tính động của di sản cũng như những biến động của môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội có thể tác động đến vốn xã hội trong tín ngưỡng. Đối với việc thực hành tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần tại Quảng Ninh, sự tham gia và hưởng lợi ích từ Nhà nước và cộng đồng đối với các sinh hoạt tín ngưỡng là đặc điểm, xu hướng khách quan, tất yếu diễn ra ở mọi quốc gia bởi bản thân di sản đã là một quá trình thể hiện vốn kinh tế, vốn chính trị, vốn văn hóa và vốn xã hội. Qua các mối quan hệ tương tác, quyền lực chính thức và phi chính thức, lễ hội luôn vận động và phát triển. Điều quan trọng là Nhà nước và cộng đồng cần thích ứng với những biến đổi đó và vận dụng một cách hiệu quả vốn xã hội trong việc bảo tồn giá trị di sản cũng như mang lại những lợi ích cho Nhà nước và cộng đồng. Trong xu thế toàn cầu hóa và bối cảnh đương đại hiện nay, thực hành các sinh hoạt tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần tại Quảng Ninh sẽ giúp Nhà nước có thể củng cố vị thế chính trị trong nước và thế giới, khẳng định bề dày lịch sử phát triển cũng như giữ gìn bản sắc văn hóa quốc gia. Đối với cộng đồng, sự ủng hộ và hậu thuẫn của Nhà nước sẽ nâng cao niềm tự hào và tinh thần bảo tồn cũng như trân trọng di sản quá khứ của chính mình. Đây chính là một hướng bảo tồn văn hoá bền vững được nhiều quốc gia lựa chọn và đem lại những giá trị thực tiễn sâu sắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Hoài Sơn. (2013). Di sản để làm gì và một số câu chuyện quản lý di sản ở Việt Nam. *Tạp chí Di sản văn hóa*, 3(44), 18–22.
- Fukuyama, F. (2002). Social Capital and Development: The Coming Agenda. *SAIS Review*, 22(1), 23–37.
- Horim, C. (2012). Chính trị văn hóa của lễ hội làng ở Hà Nội. *Hội thảo Bảo tồn và phát huy lễ hội cổ truyền trong xã hội Việt Nam đương đại (trường hợp hội Gióng)*, Hà Nội, 2012. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.
- Ngô Đức Thịnh. (2020). *Lên đồng – Hành trình của thân linh và thân phận*. Hà Nội: Nxb Dân trí.
- Nguyễn Chí Bền. (2013). *Lễ hội cổ truyền của người Việt: Cấu trúc và thành tố*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Thuỳ Linh. (2022). *Vốn xã hội trong lễ hội đền Và, Sơn Tây, Hà Nội* [Luận án tiến sĩ Văn hoá học]. Trường Đại học Văn hoá.
- Văn Đức Thanh. (2007). Quan niệm định chế xã hội vấn đề lí luận cần thiết trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. *Tạp chí Cộng sản*, 1(122).